

TÁNH KHÔNG VÀ CHÂN KHÔNG

Giảng tại Thiền Viện Thường Chiếu

Mùa Hạ năm Canh Thìn 8-2000

Hôm nay nhân ngày giải hạ, Tăng Ni trở về đây chúc mừng khánh tuế cho tôi, đồng thời xin tôi cho vài lời nhắc nhở trên bước đường tu hành, tôi rất hoan hỉ. Trước tiên tôi xin chúc mừng Tăng Ni qua mùa hạ được bình yên, an vui. Đó là kết quả tốt sau một mùa an cư.

Đối với các Thiền viện, đây là lần an cư thứ ba mươi, bắt đầu từ năm 1970 chúng ta an cư tại Chân Không, tới nay là năm 2000. Kiểm lại trong ba mươi năm đó, từ con số an cư đầu tiên chỉ vốn vẹn mười người thôi. Giờ đây tất cả các Thiền viện tụ hội về có thể lên đến bốn năm trăm người. Như vậy đứng về số lượng, Tăng Ni ngày càng đông, Phật tử cũng càng nhiều hơn. Nếu đường lối tu của chúng ta không có lợi ích, không có sự an lạc, thì chắc rằng không thể nào được sự hưởng ứng đồng đảo như vậy. Ngày nay mọi người đều hoan hỉ tu hành, để chứng minh rằng con đường của chúng ta đi rất hợp với tâm cầu tiến của Tăng Ni và Phật tử. Đó là một lẽ thật.

Được đồng đảo Tăng Ni hưởng ứng tu thiền, đó là một niềm vui. Nhưng tôi cũng có nỗi lo, bởi vì Tăng Ni càng đông thì số tạp càng nhiều. Vì vậy mong rằng tất cả Tăng Ni tu theo sự hướng dẫn của tôi, nhất là những vị lớn ở trong các Thiền viện, phải luôn luôn tự kiểm lại sự tu của mình qua một năm, hay nói gần hơn là qua ba tháng an cư, tiến thoái như thế nào để chỉnh đốn lại cho tốt đẹp hơn. Những gì ưu chúng ta cố gắng làm cho tăng trưởng, những gì khuyết chúng ta cố gắng chữa bỏ, đừng để những điều xấu dở lẫn lộn trong tập thể tu hành như vậy. Vì đó sẽ là duyên cớ làm cho đường lối tu ngày càng suy yếu, ngày càng dở tệ. Như vậy mới xứng đáng là người tu hành cầu giải thoát sanh tử.

Gần đây, trong khi tu nhìn lại giáo lý tôi thấy có hai điều hệ trọng khác hơn hồi xưa. Hai điều đó là gì? Một là Tánh Không. Hai là Chân Không. Lâu nay người ta thường hay lẫn lộn về hai điều này.

Trước tôi nói về Tánh Không. Nhiều vị cho rằng khi đạt được Tánh Không sẽ có vô số thứ nhiệm màu, tức là Tánh Không diệu hữu, như Chân Không diệu hữu vậy. Đó là do không hiểu, không phân biệt được thế nào là Tánh Không, thế nào là Chân Không.

Thế nào là Tánh Không? Khi nói tới Tánh Không, chúng ta phải nhớ Tánh Không Duyên Khởi, khi nói tới Chân Không chúng ta phải nhớ Chân Không Diệu Hữu. Hai từ này nên nhận cho thật kỹ. Tánh Không là thể tánh của tất cả các pháp. Thể tánh

của tất cả các pháp là không, do duyên hợp nên sanh ra muôn pháp. Vì vậy nói Tánh Không duyên khởi.

Tánh Không đó thế nào?

Thí dụ đây là cái bàn, đây là hư không. Cái bàn là hữu, hư không là không. Cả hai đều không ngoài Tánh Không, nên biết Tánh Không không phải là hư không trống rỗng. Lâu nay trong nhà chùa thường nói thà chấp có bằng núi Tu-di, chằng nên chấp không bằng hạt cải. Nghĩa là thà chấp cái gì cũng có hết, có tội, có phước, có thiện, có ác v. v... mà không sao. Còn chấp không dù chỉ bằng hạt cải cũng là họa, như không tội không phước v. v...

Chúng ta nhận ra tướng có tướng không qua cái nhìn của mắt. Con mắt thấy đây là có, kia là không. Các tướng duyên hợp nên có hình có tướng, còn duyên chưa hợp là hư không trống rỗng nên nói không.

Như vậy trong cái có không phải là thật có, trong cái không cũng không phải là thật không. Tại sao? Chúng ta cứ cho rằng cái bàn khít khao chặt chẽ, không có kẽ hở nên nói nó có, còn chỗ trống rỗng hoàn toàn không có gì cả nên nói nó không, nhưng sự thật không phải vậy. Nếu nhìn kính hiển vi, chúng ta sẽ thấy trong cái bàn vẫn có những kẽ hở trống, tức là cái không. Còn trong hư không có vô số bụi bặm vi trùng v. v... nhưng vì nó quá nhỏ nên tầm mắt chúng ta không thấy, rồi nói là không. Nên nói thật có thật không đều không đúng. Trong nhà Phật gọi thấy như thế là biên kiến, tức chấp một bên, không đúng lẽ thật.

Hiện giờ đa số chúng ta đều nặng trên hình thức hoặc có hoặc không. Những hình thức nào mắt thấy được gọi là có, hình thức mắt không thấy được gọi là không. Nếu phân tích vi tế hơn, sâu sắc hơn, trong cái không vẫn có cái có, trong cái có vẫn có cái không nên cho rằng "sắc tức thị không, không tức thị sắc", nghĩa là trong hư không có bụi bặm tức là có cái có, trong cái bàn có những khoảng trống tức là có cái không.

Trong con người chúng ta cũng vậy. Nếu từ đầu đến chân khít khao không có một chỗ hở trống thì chúng ta đã chết rồi. Hai lỗ mũi nếu không trống thì hết thở, miệng không trống thì hết ăn. Tất cả các cơ quan luôn luôn có cái không lẫn trong cái sắc. Ngược lại ngoài hư không, cái sắc cũng có trong cái không. Không với sắc lẫn lộn nhau nên Bát-nhã nói sắc tức thị không, không tức thị sắc là vậy.

Các hình thức hoặc trống không hoặc có sắc chất đều được chúng ta nhìn thấy bằng mắt. Trong kinh Phật dạy thân này do tứ đại hoặc lục đại, thất đại hợp lại thành. Tứ đại gồm đất, nước, gió, lửa, ai cũng biết. Lục đại tức tứ đại cộng thêm hai thứ nữa

là Không và Thức, thất đại thì thêm Kiến. Các hình thức trống không như đã nói ở trên chính là Không đại. Không đại trong con người hay sự vật đều do mắt thấy.

Từ cái không thô đối với cái có thô, chúng ta thấy được nên nói có, nói không. Đến cái không tế nằm lẫn trong sắc, hoặc sắc lẫn trong không, tuy mắt không thấy nhưng dùng kính hiển vi cũng sẽ thấy. Như vậy cái không, cái có đó đều là đối đãi từ hình thức, chưa phải "sắc tức thị không".

Thế thì "sắc tức thị không" trong kinh Bát-nhã chỉ cho cái không nào? Như tôi đã nói "Tánh Không duyên khởi", căn cứ theo các kinh A-hàm Phật dạy tất cả pháp không tự có, mà do duyên hợp mới thành. Bởi duyên hợp mới thành nên không một pháp nào tự có nguyên thể của nó, mà đều từ cái không, duyên hợp thành có.

Thí dụ đồng cát, ban đầu không có gì, do gom cát tụ lại thành đồng, gọi là đồng cát. Nếu phân tán số cát này ra hết, thì đồng cát không còn. Như vậy đồng cát có là do duyên tụ lại mà có, đồng cát không có là do duyên tan ra thành không. Duyên tụ duyên tán, thành có thành không. Nếu đồng cát trước đó tự có nguyên thể thì không phải đợi nhiều hạt cát tụ lại mới thành, đồng cát đã có sẵn. Nhưng có đồng cát nào nguyên sẵn không? Thật thể của đồng cát vốn không, cái không này Bát-nhã gọi là Tánh Không.

Cũng vậy, con người nếu trước tự có thì không đợi cha mẹ sanh, còn đợi cha mẹ sanh mới có tức do duyên hợp. Như vậy hình sắc con người, tánh nó vốn không, duyên hợp mới có. Nói tóm lại, tất cả sự vật từ nhỏ tới lớn trong vũ trụ này đều không có nguyên thể ban đầu, phải đợi duyên hợp mới có, đó gọi là Tánh Không.

Tánh Không được thấy bằng gì? Đó là chỗ tôi muốn nhấn mạnh. Tánh Không được thấy bằng trí tuệ. Bát-nhã là trí tuệ, chỉ có trí tuệ mới thấy được Tánh Không. Bởi vì Tánh Không không phải là cái không trống rỗng của hư không. Vì sự vật không có cái nguyên thể trọn vẹn từ ban đầu, đợi duyên hợp mới có, nên gọi là Tánh Không. Nó không phải là không đối với có, nên chúng ta đâu thể dùng mắt để thấy Tánh Không được. Có, không do duyên hợp thì có tụ có tan, còn Tánh Không không có tụ tán.

Kinh Kim Cang, đức Phật dạy muốn được giác ngộ phải biết "Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai". Hết sức đơn giản, thấy các tướng không có tướng thật, đó là thấy Phật. Tại sao? Bởi vì tất cả tướng đều là duyên hợp, hư giả, không có tướng thật là phi tướng. Thấy như vậy là thấy đúng sự thật nên nói thấy Phật, tức là dùng trí tuệ giác ngộ để thấy.

Trí tuệ giác ngộ là trí thấy biết đúng như thật. Chúng ta biết thân này duyên hợp, hư dối thì còn chấp ngã, chấp ta thật không? Bởi từ lâu chúng ta sống trong mê lầm, vô minh nên không thấy được tánh thật của các pháp thành ra chấp ngã chấp pháp. Từ chấp ngã chấp pháp mà sanh đấu tranh, tàn sát lẫn nhau. Bây giờ nhờ trí tuệ Bát-nhã, ta nhìn thấu đáo biết tất cả pháp duyên hợp đều là hư giả. Thân này duyên hợp nên hư giả, cái bàn duyên hợp nên hư giả, tất cả sự vật trên thế gian này do duyên hợp nên đều hư giả. Như vậy thì còn chấp cái gì nữa?

Nên kinh Kim Cang Phật dạy:

Nhất thiết hữu vi pháp,

Như mộng huyễn bào ảnh,

Như lộ diệc như điện,

Ưng tác như thị quán.

Dùng trí tuệ Bát-nhã soi thấu tất cả pháp như mộng huyễn, như bọt như sương, như điện chớp, không có gì thật hết. Thấy như vậy gọi là thấy bằng trí tuệ Bát-nhã. Nếu thấy mình thật người thật, tất cả mọi thứ đều thật hết thì phiền não cả ngày. Vì mình thật thì được mát cũng thật, vui buồn cũng thật nên khổ. Còn thấy mình hư dối thì tất cả mọi thứ chung quanh cũng đều hư dối, hư dối thì được mát đâu có khổ. Sống chết chỉ là trò chơi thôi, có gì đâu quan trọng.

Cho nên trí tuệ Bát-nhã là gốc, là nền tảng của sự tu. Sở dĩ ở Thiền viện đêm nào cũng tụng Bát-nhã là vì thế. Nếu nhìn tất cả pháp đúng như thật, tức là duyên khởi, Tánh Không duyên khởi nên sự vật hiện có đều hư dối không thật. Biết rõ như vậy, thấy đúng như vậy, chúng ta cười cả ngày không có gì phải buồn, phải khổ. Giả sử ta bệnh, nghe ai nói mình sẽ chết trong nay mai cũng cười thôi. Có hợp thì có tan, lý ấy như vậy không có gì phải sợ phải lo. Đó là ta sống được tự tại, giải thoát rồi.

Thử kiểm lại, nếu con người là thật, thì tổ tiên mình tới bây giờ lẽ ra vẫn còn. Nhưng tổ tiên chúng ta đã đi hết rồi, tới ông cố bà cố, ông nội bà nội, cha mẹ mình cũng đi, và đến phiên mình cũng phải đi. Có ai sống mãi đâu, hết tự rồi tan, không có gì thật cả. Vậy mà con người cứ ngỡ là thật, có phải mê lầm không?

Nên biết trí tuệ và mê lầm ở cạnh nhau thôi. Thấy thân thật, các pháp bên ngoài thật, đó là mê lầm. Nếu căn cứ trên Tánh Không duyên khởi thì không có một pháp thật. Chúng ta tu muốn đi tới chỗ an lạc tự tại phải thấy rõ được Tánh Không của các pháp. Như vậy muôn sự muôn vật không có gì trói

buộc được mình, không có gì làm phiền lụy được mình.

Qua đó đủ thấy trí tuệ Bát-nhã là sức mạnh phi thường giúp chúng ta phá tan hết mọi khổ đau, phiền lụy. Chúng ta tụng Bát-nhã hoài mà không ứng dụng được trí tuệ này nên không hết khổ. Nếu hiểu thấu và thể nhập được chân lý đó rồi, thì sống giữa đời này không có gì đáng sợ, không có gì đáng phiền hết. Cuộc đời là như vậy, có gì đâu quan trọng. Chiếc thân hữu hình hữu hoại, lúc nào cũng chực tan rã mà người ta cứ tưởng thật, vô lý làm sao! Cuộc sống trên thế gian này là một dòng sanh diệt không dừng, lớp người trước đi qua, lớp người sau nối tiếp. Cứ như vậy mà sanh diệt không dừng, thì thật ở chỗ nào?

Cho nên chúng ta tụng kinh Bát-nhã là để thấm nhuần lý Tánh Không duyên khởi, chớ không phải để chấp không. Người hiểu thấu được lý Bát-nhã không bao giờ chấp không. Chấp đây không kia có là đại si mê. Bởi vì tất cả pháp do duyên hợp mà có, duyên hợp thì Tánh Không. Như ngôi chùa Thường Chiếu này là do duyên hợp hay có sẵn? Trước năm 1975 ngôi chùa không có, bây giờ lại có, rõ ràng do các duyên tụ lại nên có ngôi chùa. Chùa đã là của duyên thì gặp duyên ngược lại tức sẽ tan hoại, chớ đâu thể còn hoài. Dù kiên cố mấy, cũng có duyên làm cho nó hoại không bao giờ còn nguyên mãi được. Hiểu như vậy là chúng ta mở sáng con mắt trí tuệ Bát-nhã, nên nói sống bằng trí tuệ Bát-nhã là giác ngộ, giải thoát.

Hiểu được lý Tánh Không là hiểu được lý duyên hợp hư dối. Lý duyên hợp phát xuất từ kinh nào? Từ kinh A-hàm. Kinh A-hàm nói các pháp duyên hợp, cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh, cái này diệt nên cái kia diệt v. v... đều là lý nhân duyên tương quan giữa cái này với cái kia, chớ không có nguyên sẵn một thứ riêng.

Xét theo đó thì thấy từ lý Nhân duyên hòa hợp của hệ A-hàm tới Tánh Không của hệ Bát-nhã có gì khác nhau đâu. Nói duyên hợp cho người nghe dễ hiểu, nói Tánh Không để chỉ thẳng bản chất của các pháp. Biết được Tánh Không thì biết duyên hợp là hư dối. Như tôi co năm ngón tay lại thì có nắm tay. Nếu nắm tay có sẵn từ thủy chí chung thì đâu đợi năm ngón co lại mới thành nắm tay. Như vậy nắm tay nguyên tánh nó vốn không, đợi năm ngón co lại thành có. Có là do duyên hợp, nếu năm ngón buông ra kiếm nắm tay trước có còn không? Rõ ràng không còn. Như vậy Tánh Không duyên hợp mới thành tướng, duyên hết thì tướng phải mất. Thế thì nắm tay thật hay giả? Nó chỉ có một thời gian thì làm sao thật được.

Tăng Ni tu hành bao nhiêu năm, có thấy được các pháp duyên hợp hư dối không? Nếu thấy được là trí tuệ Bát-nhã, còn thấy chưa được là vô minh. Tu

mà chưa lột được xác vô minh, bị nó trói chặt kéo lôi thì thật là đáng tiếc. Muốn giác ngộ nhất định phải lột bỏ xác vô minh mới được. Trong mười hai nhân duyên, vô minh là đầu mối là gốc. Dòng sanh tử gốc từ vô minh mà ra, chưa thoát được cái vô này thì không thể nào giải thoát sanh tử được.

Ai cũng nhận thân này duyên hợp nhưng lại không dám nói hư dối, vô lý làm sao! Như vậy có hết vô minh chưa? Vô minh thật sâu thật đậm, mà cứ ngỡ mình tu hết vô minh rồi. Ai đó lỡ nói huynh vô minh quá liền nổi giận đùng đùng, đâu biết giận đùng đùng tức đã thú nhận ta vô minh. Người ta nói mình vô minh mà mình không vô minh thì thôi, có gì phải giận. Chúng ta tu nếu không nắm vững cái gốc đó, thì sự tu làm sao tiến được.

Cho nên Tánh Không đây không phải không nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân, ý... lý Tánh Không là do trí tuệ Bát-nhã thấy. Biết lý đó, bởi các pháp Tánh Không đợi duyên hợp thành có, cho nên nó là hư giả. Tánh Không không phải là cái không đối với cái có. Nói tóm lại, Tánh Không là để chỉ tất cả sự vật tự thể không có, đợi duyên hợp mới có. Thế thì, tôi xin hỏi lại Tánh Không là gì? Không là cái gì hết, nên không tất cả các pháp, sáu căn, sáu trần đều không, kể cả Tứ đế, Thập nhị nhân duyên cũng không.

Phật vì đối bệnh cho thuốc, bệnh hết thì thuốc cũng bỏ. Tánh Không là một lý thật để chúng ta nhìn đố nhìn thấy sự vật, tướng duyên hợp là hư dối, thấy rõ như vậy. Người nào thừa nhận thân này là duyên hợp, thì phải thừa nhận nó là hư dối. Đó là một lẽ thật.

Nếu chúng ta nắm được lẽ thật ấy rồi, sẽ thấy công dụng của nó rất phi thường. Như thấy thân này duyên hợp hư dối thì có còn khổ nữa không? Nếu thân này hư dối, người ta chửi mình, mình đâu có buồn. Cả ngày cười hoài không bận bịu gì hết, phiền não từ đâu mà ra.

Giáo lý Nguyên thủy nói thân này vô ngã, năm uẩn hợp là vô ngã. Đến Bát-nhã thì nói Tánh Không duyên hợp hư dối, đó là một lẽ thật, hết sức chân thật. Nhưng tội nghiệp thay chúng ta do mê làm từ muôn kiếp, nên Phật nói thì tin mà nhận thì không dám nhận. Tin Phật nói mà mình ưng sống với mê hơn là trí.

Vi vậy chúng ta tu khó trăm bề. Nếu tình thức như lời Phật dạy thì tu không có gì khó hết. Tất cả phiền não khiến tâm bất an đều từ chấp thân thật, tâm thật, cảnh thật. Khi biết rõ không có một pháp thật thì phiền não theo đó rơi rụng hết. Cho nên ngài Huyền Giác đã nói trong Chứng Đạo Ca:

Đại trượng phu bình tuệ kiếm

Bát-nhã phong hề kim cang diệm.

"Đại trượng phu bình tuệ kiếm", bậc đại trượng phu cầm kiếm tuệ, tức kiếm Bát-nhã. "Bát-nhã phong hề kim cang diệm", Bát-nhã là trí tuệ sắc bén hay chặt đứt tất cả. Kim cang là một thứ kim loại không có chi phá được, nên ví nó như đồng lửa cháy rần rần, quặng vật gì vô cũng tan nát hết. Như vậy trí tuệ Bát-nhã chính là trí tuệ kim cương hay phá tan mọi thứ phiền não, mà không gì có thể phá được trí tuệ này cả. Ngài nói tiếp:

Phi dân năng tở ngoại đạo tâm

Tảo tăng lạc khước thiên ma đảm.

Tôi phục là dẹp trừ, tảo tăng là sớm từng. Trí tuệ Bát-nhã chẳng những hay dẹp trừ được tâm ngoại đạo, mà còn sớm từng làm cho thiên ma phải rụng mật khiếp vía nữa. Để thấy lý Bát-nhã này không ngoại đạo nào phá vỡ được.

Khi biết các pháp Tánh Không duyên hợp hư giả, là thoát khỏi được các thứ chấp hai bên như chấp có, chấp không, gọi là biên kiến. Với con mắt Bát-nhã có là giả có, vì giả có nên không phải không, mà cũng không phải thật có. Không thật không, không thật có mà hiện tiền mắt thấy, tai nghe, đó là lý trung đạo.

Nhà thiên thường dùng hình ảnh mặt trăng ở dưới hồ. Mặt trăng dưới hồ có hay không? Xác định là không cũng không được, xác định là có thật cũng không được. Nó chỉ là bóng, là huyền hóa. Nói mặt trăng có thật dưới hồ là ngu xuẩn. Nói mặt trăng không ngo, tại sao mắt mình thấy? Chẳng qua đó là tướng duyên hợp hư giả, là bóng không phải thật. Không thật mà chấp thật là ngu mê. Thân này, sự vật chung quanh này cũng vậy.

Chúng ta si mê cho các pháp là thật nên dễ bị nó kéo lôi dụ dỗ. Dụ dỗ bằng cách nào? Thí dụ: Người hiểu sắc khi thấy sắc đẹp liền bị mềm lòng, người hiểu danh hiểu lợi khi thấy danh lợi liền chạy theo. Nhưng nếu chúng ta biết rõ những thứ đó không thật, không chạy theo nó thì ma nào có thể dụ dỗ mình nổi, kể cả thiên ma còn phải vỡ mặt nữa là khác. Lý Kim Cang Bát-nhã hay như vậy mà chúng ta không dùng, giống như người có kiếm bén mà không biết dùng, đành chịu chết dưới tay giặc.

Có trí Bát-nhã thì đi tới Niết-bàn dễ như trở bàn tay. Đạo Phật được gọi là đạo giác ngộ vì thấy tột cùng lẽ thật, chớ không phải thấy nửa chừng, thấy mơ màng. Lâu nay chúng ta tu thật lơ là. Cho nên người tu cần phải lãnh hội cho sâu lý Tánh Không, một lần tỉnh là không được mê trở lại nghe, chớ còn tỉnh tỉnh mê mê thì muôn đời cũng không ra khỏi sanh tử.

Kể đến, tôi nói về Chân Không. Nói Tánh Không là tánh của tất cả pháp, nói Chân Không là Tâm thể

của tâm. Một bên thuộc về pháp, một bên thuộc tâm. Cho nên Tánh Không thì duyên khởi còn Chân Không thì diệu hữu, chúng ta cần phải nắm cho thật vững chỗ này. Tại sao Chân Không là diệu hữu?

Lục Tổ khi trình kệ cho Ngũ Tổ, Ngài kết luận bằng hai câu:

Bản lai vô nhất vật

Hà xứ nhá trần ai.

Xưa nay không một vật, đó là Chân Không. Về điểm này chư Tổ đều thấy như nhau. Như Tổ Huệ Khả sau khi có chỗ vào, thời gian sau Ngài bạch với Tổ Đạt-ma: "Bạch Hòa Thượng con đã dứt hết các duyên." Tổ bảo: "Coi chừng rơi vào không." Ngài thưa: "Rõ ràng thường biết, không sao được." Tổ Đạt-ma liền khen: "Ông như vậy, ta như vậy, chư Phật cũng như vậy." Đó là Tổ đã ấn chứng cho ngài Huệ Khả rồi. Chỗ rõ ràng thường biết mà không có một vật chính là Chân Không. Từ Tổ Huệ Khả thấy được lý Chân Không không một vật. Đến Tổ Huệ Năng thì thấy "bản lai vô nhất vật" cũng không một vật. Đó là trên thể của tâm mà nói. Tuy không có một vật mà rõ ràng thường biết, cho nên nói Chân Không diệu hữu.

Chúng ta nếu tỉnh táo, một mình ngồi lại năm ba phút, không có niệm nào dấy lên. Mắt, tai, mũi, lưỡi... toàn thân hiển nhiên như vậy, lúc đó biết hay không biết? Chim kêu nghe, người đi thấy, gió thổi biết, rõ ràng thường biết mà vẫn không có một niệm. Thế có phải là Chân Không không?

Ngược lại chúng ta biết bằng cách duyên theo bóng dáng người và sự vật, biết bằng cách phân biệt chia chẻ, đó là cái biết của sanh diệt. Cái biết sanh diệt ta lại dùng, còn cái biết không sanh diệt, thường nhiên thì lại bỏ. Vì vậy chư Phật chư Tổ dạy mình tu đến chỗ không còn một niệm vọng tưởng mà vẫn hằng tri hằng giác, đó là chỗ chân thật. Chỗ đó không phải kiếm ở đâu xa, chỉ cần đừng dấy niệm, đừng chạy theo cảnh thì cái biết ấy rõ ràng.

Vì cái biết ấy không có hình tướng, nên chúng ta dễ quên. Có mà không nhận, như kẻ cưỡi trâu đi tìm trâu, dưới sông mà kêu khát nước. Trái lại, chúng ta nhận thân duyên hợp hư dối là thật, tâm nghĩ tưởng lảng xãng là mình. Cả ngày mình sống với tâm khi vượn, phóng chạy tứ tung. Vì sống với tâm ấy nên hết phê bình người này, lại chê trách kẻ khác, tạo không biết bao nhiêu thứ nghiệp, bao nhiêu khổ đau.

Như vậy mới thấy chúng ta mê lầm rất đáng thương. Cái thật đang có lại không nhớ, nhớ những cái giả dối tạm bợ, cho đó là mình. Vì vậy Phật nói chúng sanh muôn kiếp muôn đời trôi lăn trong sanh

tử. Kinh Pháp Hoa dụ chúng ta là con ông Trưởng giả, bỏ cha đi lang thang làm kẻ ăn mày rồi kêu khổ. Đến khi trở về, thấy cha mà không dám nhận mình là con Trưởng giả, lại nhận kiếp bần hàn, thật đau xót.

Cũng vậy, chúng ta cho tâm lăng xăng sanh diệt là tâm mình nên suốt đời khổ hoại. Nếu không nhận tâm ấy là mình thì đâu có khổ. Sở dĩ chúng ta khổ vì người kia chê, người nọ nói xấu mình. Việc không đáng làm, không đáng nghe mà cứ làm, cứ nghe, chạy theo cái giả bỏ cái thật thì không khổ sao được. Chỉ cần buông hết những tâm niệm lăng xăng lộn xộn đó, thì cái chân thật hiện tiền. Thật ra, lúc nào tâm chân thật cũng hiện tiền chớ không phải vắng, nhưng vì mình quên thành ra nó vắng.

Trong nhà thiền các Thiền sư có khi tự gọi, tự "Da" để nhắc mình có ông chủ đang nghe đó. Nếu không có ông chủ làm sao nghe, làm sao thấy. Như đưa phát tử lên để nhắc mình có cái hiện tiền đang thấy, không phải suy nghĩ gì cả. Hoặc khi các ngài hỏi, học nhân vừa cúi đầu suy nghĩ các ngài liền tát tai, đập gậy, sao tàn nhẫn vậy? Thật ra các ngài thương đáo đẽ, từ bi đáo đẽ, không muốn cho người sau nhận giả làm thật, rồi bám vào đó mà đánh mất cái chân thật đang hiện sờ sờ trước mặt.

Chúng ta thử sống với cái thật chừng một ngày thôi, xem thử có buồn giận không? Hay là sẽ được thành thoi tự tại, thấy vẫn thấy, nghe vẫn nghe, giờ ăn thì ăn, giờ ngủ thì ngủ, không có gì buộc ràng, không có gì bận lòng. Các Thiền sư hỏi xưa thường bảo với đệ tử: Ông dâng cơm thì ta nhận, ông xá thì ta gặt đầu, chỗ nào không chỉ tâm yếu cho ông. Rõ ràng có lúc nào thiếu vắng cái chân thật ấy đâu, chỉ tại mình không chịu nhận, lại chạy theo những gì văn hoa, bóng bẩy bên ngoài, thành ra mất mình.

Vì quên hẳn tâm thể nguyên vẹn không sanh diệt ấy nên phiền não kéo lôi chúng ta đi trong luân hồi sanh tử. Kiếp này tu nhắm mắt cũng luân hồi, kiếp khác tu nhắm mắt cũng luân hồi, không thoát được vì quên gốc theo ngọn, quên chánh theo tà. Người tu phải thấy tường tận chỗ đó.

Đức Phật khi sống với tâm chân thật rồi thì Tam minh, Lục thông, Tứ vô sở úy, Thập bát bất cộng v. v... đầy đủ. Đó là "Chân Không mà diệu hữu". Cái có trong nhiệm màu phi thường, chớ không phải có trong cái thường. Không phải trở về đó rồi chúng ta khờ khạo không biết gì, mà trở về được thì diệu hữu hiện tiền. Diệu hữu ấy là dụng của tâm, cho nên quan trọng ở chỗ trở về được thể thì dụng chính là diệu hữu.

Thấy được Tánh Không, thấy được Chân Không chúng ta còn việc gì phải làm nữa không? Thiền sư Huyền Giác trong bài Chứng Đạo Ca đã nói "Pháp thân giác liễu vô nhất vật". Vô nhất vật chính là chỗ

không một vật của Lục Tổ, là Pháp thân, là Chân Không vậy. "Bản nguyên tự tánh thiên chân Phật", chữ thiên này không phải trời, mà thiên là sẵn có. Nói bản nguyên tức là nói nguồn gốc ban đầu. Nguồn gốc ban đầu của chúng ta chính là ông Phật sẵn có từ muôn đời đó.

Khi giác ngộ thì thấy: "Ngũ uẩn phù vân không khứ lai. Tam độc thủy bào hư xuất một." Thấy được, nhận được pháp thân thì thân năm uẩn này cũng như mây nổi, qua lại trong hư không, chẳng có nghĩa lý gì hết. Chỉ vì chúng ta không nhận ra được pháp thân, nên thấy thân năm uẩn là quý. Khi ngũ uẩn đã như phù vân, thì tam độc cũng như bong bóng nước.

Người tu thấy tội như vậy thì việc tu không phải là khó, không phải là chuyện xa vời, mà nó rất gần rất thực tế. Sống được với Chân Không tức là sống được với Pháp thân. Sống được với Pháp thân thì không còn tạo nghiệp, không tạo nghiệp thì làm gì đi trong luân hồi nữa. Đó là giải thoát rồi.

Rõ ràng chỉ cần nhận chân được hai điều "Tánh Không duyên khởi" của các pháp, "Chân Không diệu hữu" của tâm thể thì đời tu chúng ta vững như hòn núi. Ngược lại cứ chạy theo bên ngoài, nghe chỗ này hay, chỗ kia lạ thì tu suốt kiếp cũng chỉ lẩn quẩn trong sanh tử, không đi tới đâu hết.

Nên nhớ hai điều này không thể lẫn lộn nhau mà hỗ tương cho nhau. Thấy các pháp Tánh Không thì duyên khởi hư giả, thấy như vậy nên phiền não lặng, từ đó Chân Không mới hiện. Chân Không hiện, nhìn lại thân này hư dối còn gì nữa mà tham sân si. Cho nên trước phải dùng trí Bát-nhã dẹp hết phiền não thì "ông chủ" ừ mới hiện ra.

Mong rằng Tăng Ni tu hành thấy đúng như thật, đừng bị vô minh che mờ nữa, để trên đường tu dễ tiến mới có thể thoát ly sanh tử được. Đó là mục tiêu của chúng ta nhắm.